

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
BAN ĐẠI DIỆN HĐQT NHCSXH TỈNH**

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2025 CHO CÁC XÃ, PHƯỜNG
(Kèm Quyết định số 41/QĐ-BDD ngày 06 tháng 10 năm 2025 của Trưởng Ban đại diện HĐQT NHCSXH tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	TÊN PGD/TÊN XÃ, PHƯỜNG	ĐIỀU CHỈNH TĂNG (+)/GIẢM (-) NGUỒN VỐN TRUNG ƯƠNG					
		CHO VAY HỘ NGHÈO	CHO VAY HỘ CẬN NGHÈO	CHO VAY MỚI THOÁT NGHÈO	CHO VAY HỘ SẢN XUẤT KINH DOANH VKK	CHO VAY NƯỚC SẠCH VỆ SINH MTNT	TỔNG HỢP 5 CHƯƠNG TRÌNH
1	2	3	4	5	6	7	8
1	PGD Bình Sơn	-339,0	-2.145,0	-1.244,0	-1.736,0	+5.464,0	0,0
	Xã Bình Minh	-33,0	-410,0	-230,0	-350,0	+714,0	-309,0
	Xã Bình Chương		-85,0	-150,0		+100,0	-135,0
	Xã Bình Sơn	-201,0	-355,0	-525,0	-306,0	+2.130,0	+743,0
	Xã Vạn Tường	-50,0	-665,0	-126,0	-847,0	+1.390,0	-298,0
	Xã Đông Sơn	-55,0	-630,0	-213,0	-233,0	+1.130,0	-1,0
2	PGD Sơn Tịnh	0,0	-3.671,0	-151,0	0,0	+3.822,0	0,0
	Xã Ba Gia		-756,0	-98,0		+1.306,0	+452,0
	Xã Sơn Tịnh		-903,0	-53,0		+1.227,0	+271,0
	Xã Thọ Phong		-1.317,5			+900,0	-417,5
	Xã Trường Giang		-694,5			+389,0	-305,5
3	PGD Nghĩa Hành	-400,0	-3.250,0	-600,0	-79,9	+4.250,0	-79,9
	Xã Nghĩa Hành	-50,0	-1.150,0	-300,0		+1.500,0	0,0
	Xã Phước Giang	-100,0	-650,0	-50,0		+800,0	0,0
	Xã Thiện Tín	-100,0	-800,0	-100,0	-79,9	+1.000,0	-79,9
	Xã Đình Cương	-150,0	-650,0	-150,0		+950,0	0,0
4	PGD Tư Nghĩa	-106,0	-3.301,0	-492,0	0,0	+3.899,0	0,0
	Xã Nghĩa Giang	-26,0	-404,0	+17,0		+500,0	+87,0
	Xã Trà Giang		-459,0	-161,0		+594,0	-26,0
	Xã Tư Nghĩa	-25,0	-1.528,0	-5,0		+1.535,0	-23,0
	Xã Vệ Giang	-55,0	-910,0	-343,0		+1.270,0	-38,0
5	PGD Mộ Đức	-148,0	-4.046,0	-60,0	-46,0	+4.300,0	0,0
	xã Long Phụng		-856,0			+200,0	-656,0
	xã Lân Phong	-116,0	-514,0	-11,0	-46,0	+1.300,0	+613,0
	xã Mỏ Cày		-833,0			+1.800,0	+967,0
	xã Mộ Đức	-32,0	-1.843,0	-49,0		+1.000,0	-924,0
6	PGD Đức Phổ	-143,0	-1.027,0	-90,0	-461,0	0,0	-1.721,0
	Phường Sa Huỳnh	-85,0	-364,0	-125,0	-50,0	-141,5	-765,5
	Phường Trà Câu	0,0	-201,0	+45,0	-49,0	-216,5	-421,5
	Phường Đức Phổ	-8,0	-184,0	0,0		-21,7	-213,7
	Xã Khánh Cường	0,0	-161,0	-10,0	-362,0	+349,0	-184,0
	Xã Nguyễn Nghiêm	-50,0	-117,0			+30,7	-136,3
7	PGD Trà Bồng	-270,0	-33,0	+303,0	0,0	0,0	0,0

STT	TÊN PGD/TÊN XÃ, PHƯỜNG	ĐIỀU CHỈNH TĂNG (+)/GIẢM (-) NGUỒN VỐN TRUNG ƯƠNG					
		CHO VAY HỘ NGHÈO	CHO VAY HỘ CẬN NGHÈO	CHO VAY MỚI THOÁT NGHÈO	CHO VAY HỘ SẢN XUẤT KINH DOANH VKK	CHO VAY NƯỚC SẠCH VỆ SINH MTNT	TỔNG HỢP 5 CHƯƠNG TRÌNH
1	2	3	4	5	6	7	8
	Xã Cà Đam	-164,0	-53,0	+50,0	-112,5	+50,0	-229,5
	Xã Thanh Bồng	+176,0	+156,0	-30,0	+92,5		+394,5
	Xã Trà Bồng	-507,0	-76,0	+425,0	+470,0		+312,0
	Xã Tây Trà	-3,0	-61,0	-196,0	-72,0		-332,0
	Xã Tây Trà Bồng	+199,0	+452,0	+190,0	-240,0		+601,0
	Xã Đông Trà Bồng	+29,0	-451,0	-136,0	-138,0	-50,0	-746,0
8	PGD Sơn Hà	-1.140,0	-650,0	-745,0	-780,0	+3.315,0	0,0
	Xã Sơn Hà	-290,0	-65,0	-199,0	-106,0	+1.265,0	+605,0
	Xã Sơn Hạ	-238,0	-80,0	-324,0	-456,0	+840,0	-258,0
	Xã Sơn Kỳ	-117,0	-240,0	0,0	-30,0	+280,0	-107,0
	Xã Sơn Linh	-155,0	-35,0	-75,0	-38,0	+815,0	+512,0
	Xã Sơn Thủy	-340,0	-230,0	-147,0	-150,0	+115,0	-752,0
9	PGD Ba Tơ	-1.500,0	-700,0	-200,0	0,0	+2.400,0	0,0
	Xã Ba Đình	-159,0	-80,0	-80,0	+50,0	+70,0	-199,0
	Xã Ba Tô	-200,0	+50,0	-121,0	+150,0	+110,0	-11,0
	Xã Ba Tơ	-125,0	-170,0	-40,0	-900,0	+530,0	-705,0
	Xã Ba Vinh	-287,0	-240,0	-59,0	+100,0	+40,0	-446,0
	Xã Ba Vì	-159,0	-50,0			+1.035,0	+826,0
	Xã Ba Xa	-140,0	-60,0		+500,0	+131,0	+431,0
	Xã Ba Động	-230,0	-164,0	+100,0	-70,0	+530,0	+166,0
	Xã Đặng Thủy Trám	-200,0	+14,0		+170,0	-46,0	-62,0
10	Hội sở tỉnh	0,0	-2.172,9	0,0	0,0	+2.172,9	0,0
	Phường Cẩm Thành		-328,7				-328,7
	Phường Nghĩa Lộ		-412,5				-412,5
	P.Trương Quang Trọng		-297,1			-437,1	-734,2
	xã An Phú		-506,1			+1.300,0	+793,9
	xã Tịnh Khê		-628,5			+1.309,9	+681,4
11	PGD Lý Sơn	0,0	0,0	-1.290,0	-180,0	+1.470,0	0,0
	Đặc khu Lý Sơn	0,0	0,0	-1.290,0	-180,0	+1.470,0	0,0
12	PGD Minh Long	-100,0	-170,0	-100,0	-450,0	+820,0	0,0
	Xã Minh Long	-60,0	-80,0		-100,0	+300,0	+60,0
	Xã Sơn Mai	-40,0	-90,0	-100,0	-350,0	+520,0	-60,0
13	PGD Sơn Tây	-450,0	-171,0	+352,0	-207,0	+476,0	0,0
	Xã Sơn Tây	-260,0	-117,0	+71,0	-268,0	+84,0	-490,0
	Xã Sơn Tây Hạ	-143,0	-38,0	+186,0	+172,0	+208,0	+385,0
	Xã Sơn Tây Thượng	-47,0	-16,0	+95,0	-111,0	+184,0	+105,0
14	PGD Kon Tum	-344,0	-3.739,8	-603,0	-921,7	+5.608,5	0,0
	Phường Kon Tum	-61,0	-2.022,0	-155,0			-2.238,0
	Phường Đắk Bla	-35,5	-550,0	-26,0			-611,5

STT	TÊN PGD/TÊN XÃ, PHƯỜNG	ĐIỀU CHỈNH TĂNG (+)/GIẢM (-) NGUỒN VỐN TRUNG ƯƠNG					
		CHO VAY HỘ NGHÈO	CHO VAY HỘ CẬN NGHÈO	CHO VAY MỚI THOÁT NGHÈO	CHO VAY HỘ SẢN XUẤT KINH DOANH VKK	CHO VAY NƯỚC SẠCH VỆ SINH MTNT	TỔNG HỢP 5 CHƯƠNG TRÌNH
1	2	3	4	5	6	7	8
	Phường Đắk Cấm	-68,0	-71,0	-264,0	-232,0	-75,0	-710,0
	Xã Ia Chim	-10,5	-674,0			+2.741,0	+2.056,5
	Xã Ngọc Bay	-102,0	-195,8	-75,0	+110,3	+1.150,0	+887,5
	Xã Đắk Rơ Wa	-67,0	-227,0	-83,0	-800,0	+1.792,5	+615,5
15	PGD Sa Thầy	-630,0	-610,0	+180,0	+1.210,0	-49,1	+100,9
	Xã Mô Rai	-80,0	-70,0	-20,0	+760,0	+80,0	+670,0
	Xã Rờ Koi	+60,0	+40,0	-60,0	+500,0	+270,0	+810,0
	Xã Sa Bình	-160,0	-220,0	+200,0	-200,0	+300,0	-80,0
	Xã Sa Thầy	-90,0	-190,0	+40,0	-100,0	-749,1	-1.089,1
	Xã Ya Ly	-360,0	-170,0	+20,0	+250,0	+50,0	-210,0
16	PGD Đắk Tô	-175,0	-1.303,0	-14,0	+108,0	+2.584,0	+1.200,0
	Xã Kon Đào	-221,0	-103,0	-11,0	+135,0	-68,0	-268,0
	Xã Ngọc Tú	+107,0	-134,0	-2,0	-2,0	+21,0	-10,0
	Xã Đắk Tô	-61,0	-1.066,0	-1,0	-25,0	+2.631,0	+1.478,0
17	PGD Dak Glei	-460,0	-132,0	+215,0	+1.791,0	-1.414,0	0,0
	Xã Ngọc Linh	-50,0	+60,0	0,0	+247,0	-36,0	+221,0
	Xã Xốp	-150,0	+51,0	+175,0	+51,0	+121,0	+248,0
	Xã Đắk Long	-110,0		+60,0	+1.080,0	-300,0	+730,0
	Xã Đắk Môn	-10,0	-121,0	-10,0	-128,0	-110,0	-379,0
	Xã Đắk Plô	-120,0	-145,0	-10,0	+991,0	-1.006,0	-290,0
	Xã Đắk Pék	-20,0	+23,0	0,0	-450,0	-83,0	-530,0
18	PGD Kon Rẫy	-1.304,7	-243,0	-8,5	+615,5	+940,7	0,0
	Xã Kon Braih	-875,0	-233,0	+73,6	-19,5	+609,3	-444,6
	Xã Đắk Kôi	-150,1	-58,0	-27,1	+184,0	+48,0	-3,2
	Xã Đắk Rve	-279,6	+48,0	-55,0	+450,9	+283,4	+447,7
19	PGD Đắk Hà	-918,0	-478,0	+1.144,0	-244,0	+496,0	0,0
	Xã Ngọc Réo	-250,0	-135,0	+378,0	+143,0	+517,0	+653,0
	Xã Đắk Hà	-70,0	-100,0	-6,0	+50,0	-70,8	-196,8
	Xã Đắk Mar	-260,0	-150,0	+210,0	-174,5	-28,5	-403,0
	Xã Đắk Pxi	-318,0	-90,0	+660,0	-40,5	-23,7	+187,8
	Xã Đắk Ui	-20,0	-3,0	-98,0	-222,0	+102,0	-241,0
20	PGD Ngọc Hồi	-186,0	+505,0	-301,0	0,0	-18,0	0,0
	Xã Bờ Y	-62,0	-354,0	-90,0	-29,0	-18,0	-553,0
	Xã Dục Nông	-74,0	+730,0	-162,0	-201,0		+293,0
	Xã Sa Loong	-50,0	+129,0	-49,0	+230,0		+260,0
21	PGD Ia H Drai	-348,0	-300,0	+652,0	-2,9	-1,1	0,0
	Xã Ia Tơi	-183,0	-100,0	+287,0	-2,9	-1,1	0,0
	Xã Ia Đal	-165,0	-200,0	+365,0			0,0
22	PGD Tu Mơ Rông	-1.300,0	-200,0	+300,0	+1.200,0	+500,0	+500,0

STT	TÊN PGD/TÊN XÃ, PHƯỜNG	ĐIỀU CHỈNH TĂNG (+)/GIẢM (-) NGUỒN VỐN TRUNG ƯƠNG					
		CHO VAY HỘ NGHÈO	CHO VAY HỘ CẬN NGHÈO	CHO VAY MỚI THOÁT NGHÈO	CHO VAY HỘ SẢN XUẤT KINH DOANH VKK	CHO VAY NƯỚC SẠCH VỆ SINH MTNT	TỔNG HỢP 5 CHƯƠNG TRÌNH
1	2	3	4	5	6	7	8
	Xã Măng Ri			+100,0	+340,0		+440,0
	Xã Tu Mơ Rông	-370,0		-300,0	+100,0		-570,0
	Xã Đăk Sao	-430,0		+100,0	+250,0		-80,0
	Xã Đăk Tô Kan	-500,0	-200,0	+400,0	+510,0	+500,0	+710,0
23	PGD Kon Plông	-370,0	-330,0	-710,0	+310,0	+1.100,0	0,0
	Xã Kon Plông	-195,0	-35,0	-225,0	+140,0	-129,0	-444,0
	Xã Măng Bút	-250,0	-175,0	-265,0	+590,0	+1.100,0	+1.000,0
	Xã Măng Đen	+75,0	-120,0	-220,0	-420,0	+129,0	-556,0
	TỔNG CỘNG	-10.631,7	-28.167,6	-3.462,5	+126,0	+42.135,9	0,0